

HỢP ĐỒNG CHO VAY

Số:

Chúng tôi gồm:

- **Bên Cho Vay:** Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh/Phòng Giao dịch.....

- Mã số doanh nghiệp:do Sở KH&ĐT cấp lần đầu ngày/...../....., đăng ký bổ sung lần vào ngày/...../.....

- Địa chỉ trụ sở :.....

- Điện thoại :..... - Fax:.....

- Đại diện theo ủy quyền: Ông/Bà..... - Chức vụ:

*Sau đây gọi là **Bên Ngân hàng/VPBank***

- **Bên Vay:** Ông/Bà

- Hộ khẩu thường trú:.....

- Địa chỉ hiện tại :.....

- Giấy CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD số: do cấp ngày/...../.....

- Điện thoại nhà riêng: - Điện thoại di động:.....

- Email:.....

*Đã thỏa thuận và nhất trí ký kết Hợp đồng cho vay (gọi chung là “**Hợp Đồng**”) này với các nội dung như sau:*

Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ

Trong Hợp Đồng này, trừ trường hợp ngữ cảnh có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Bên vay:** Là Cán bộ nhân viên đang làm việc tại Bên Ngân hàng và đáp ứng các điều kiện để được Bên Ngân hàng quyết định Cho vay gắn kết theo các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng này.
2. **Cho vay gắn kết:** Là việc Bên Ngân hàng cho vay đối với Bên vay trên cơ sở Bên vay là Cán bộ nhân viên đang làm việc tại Bên Ngân hàng và đáp ứng các điều kiện về Cho vay gắn kết đối với Cán bộ nhân viên của Bên Ngân hàng tại Hợp Đồng này và các quy định liên quan của Bên Ngân hàng tùy từng thời kỳ. Trường hợp Bên vay không còn đáp ứng các điều kiện để được Cho vay gắn kết theo quy định của Hợp Đồng này và quy định của Bên Ngân hàng, Bên vay tùy từng trường hợp sẽ không hoặc không tiếp tục được áp dụng các quy định về Cho vay gắn kết của Bên Ngân hàng.
3. **Lãi suất cho vay:** Là lãi suất cho vay mà Bên Ngân hàng áp dụng cho khoản vay của Bên vay theo Hợp Đồng này. **Lãi suất cho vay bao gồm hai (2) cấu phần lãi suất là: Lãi suất gắn kết và Lãi suất bổ sung.** Bên vay có trách nhiệm thanh toán cho Bên Ngân hàng tiền lãi gồm khoản tiền lãi tính theo Lãi suất gắn kết và khoản tiền lãi tính theo Lãi suất bổ sung.
4. **Lãi suất gắn kết:** Là một loại lãi suất cho vay trong hạn mà Bên Ngân hàng áp dụng cho Khoản vay CBNV của Bên vay theo Hợp Đồng này. Lãi suất gắn kết được xác định tại thời điểm giải ngân. Mức lãi suất gắn kết được điều chỉnh định kỳ một quý một lần vào ngày làm việc đầu tiên

của quý, mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng lãi suất bán vốn VND tương ứng với kỳ hạn của Hợp đồng cho vay và kỳ điều chỉnh lãi suất theo quý trừ đi (-) Biên độ lãi suất gắn kết hoặc Biên độ lãi suất gắn kết điều chỉnh (trong trường hợp bị áp dụng Biên độ lãi suất gắn kết điều chỉnh) áp dụng đối với Bên vay theo quy định của Bên Ngân hàng, nhưng lãi suất gắn kết tối thiểu là 0,5%/năm.

5. **Lãi suất bổ sung:** **Lãi suất bổ sung = Biên độ lãi suất gắn kết + 4%. Trường hợp xảy ra việc áp dụng Biên độ lãi suất gắn kết điều chỉnh như quy định trong Hợp Đồng này thì Lãi suất bổ sung sẽ = Biên độ lãi suất gắn kết điều chỉnh + 4%.**
6. **Biên độ lãi suất gắn kết:** Là biên độ lãi suất cho vay do Bên Ngân hàng áp dụng đối với Bên vay tương ứng với cấp bậc công việc của Bên vay tại Bên Ngân hàng tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này với mức%. Trong thời hạn vay gắn kết theo Hợp Đồng này, nếu chức danh, ngạch, bậc công việc của Bên vay tại Bên Ngân hàng có sự điều chỉnh thì Biên độ lãi suất gắn kết áp dụng đối với Bên vay cũng sẽ được điều chỉnh. Bên vay có trách nhiệm ký bổ sung văn bản cam kết làm việc lâu dài theo quy định tại Khoản 12 Điều 2 Hợp Đồng này.
7. **Biên độ lãi suất gắn kết điều chỉnh:** Là Biên độ lãi suất gắn kết được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Hợp Đồng này.
8. **Cam kết làm việc lâu dài:** Là cam kết của Bên vay về thời gian làm việc lâu dài và đạt kết quả tốt tại Bên Ngân hàng như quy định tại Khoản 12 Điều 2 của Hợp Đồng này. Cam kết làm việc lâu dài là một trong các điều kiện cho vay bắt buộc áp dụng đối với Bên vay.
9. **Đánh giá hiệu quả làm việc:** Là việc xem xét đánh giá của Bên Ngân hàng về kết quả làm việc của Bên vay theo quy định của Bên Ngân hàng từng thời kỳ (“**Kỳ đánh giá**”). Các mức xếp loại đánh giá nhân sự bao gồm: Xuất sắc; Hoàn Thành Tốt, Hoàn Thành, Cần Cố Gắng, Không Hoàn Thành, hoặc các mức xếp loại tương đương khác theo quy định của Bên Ngân hàng từng thời kỳ. Đây là một trong các căn cứ để Bên Ngân hàng quyết định cho vay gắn kết, điều chỉnh Lãi suất cho vay (bao gồm Lãi suất gắn kết và Lãi suất bổ sung) và áp dụng các biện pháp khác đối với Bên vay theo quy định tại Hợp Đồng này.
10. **Xếp hạng tín dụng:** Là kết quả đánh giá của Bên Ngân hàng đối với Khách hàng có quan hệ tín dụng với Bên Ngân hàng về mức độ rủi ro tín dụng, theo đó Khách hàng được đánh giá xếp hạng tín dụng theo nhiều mức như xuất sắc, tốt, trung bình hoặc mức khác theo quy định của Bên Ngân hàng từng thời kỳ, từ đó đưa ra mức lãi suất cho vay khác nhau áp dụng đối với các nhóm Khách hàng có kết quả đánh giá khác nhau.
11. **Khoản vay CBNV:** Là khoản vay của Bên vay đáp ứng các điều kiện về Cho vay gắn kết theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định của Bên Ngân hàng.
12. **Khoản vay thông thường:** Là khoản vay của Khách hàng có Xếp hạng tín dụng “trung bình” theo quy định về Xếp hạng tín dụng của Bên Ngân hàng trong từng thời kỳ.
13. **Kỳ trả nợ:** Là các khoảng thời gian mà cuối mỗi khoảng thời gian đó Bên vay phải trả nợ cho Bên Ngân hàng. Kỳ trả nợ được quy định cụ thể tại (các) Khế ước nhận nợ.
14. **Tiền lãi vay:** Là khoản tiền lãi Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng theo Hợp Đồng này. Tiền lãi vay bao gồm khoản tiền lãi được thu theo mức Lãi suất gắn kết và Lãi suất bổ sung.
15. **Tiền lãi gắn kết:** Là khoản tiền lãi tính theo Lãi suất gắn kết mà Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng và được xác định theo phương pháp tính lãi quy định tại Khoản 3 Điều 3 Hợp Đồng này.
16. **Tiền lãi bổ sung:** Là khoản tiền lãi Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng trong các trường hợp như quy định tại Hợp Đồng này. Tiền lãi bổ sung được xác định theo công thức quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 4 Hợp Đồng này.
17. **Điều Kiện Giao Dịch Chung:** Là bản Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách

hàng cá nhân tại VPBank, được Bên Ngân hàng niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Điều Kiện Giao Dịch Chung là những điều khoản ổn định do Bên Ngân hàng công bố từng thời kỳ để áp dụng chung cho các Khách hàng cá nhân vay từng lần và/hoặc vay theo hạn mức có tài sản bảo đảm tại VPBank. Nếu Bên vay chấp nhận ký kết Hợp Đồng thì được coi là đồng thời chấp nhận các điều khoản tại Điều Kiện Giao Dịch Chung.

Điều 2. Thỏa Thuận Về Cho Vay

1. Số tiền cho vay:..... (Bằng chữ:
2. Thời hạn cho vay:..... (Bằng chữ:.....), tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay.
3. Mục đích sử dụng vốn vay:.....
4. Điều kiện và phương thức giải ngân:
 - a) Điều kiện giải ngân: Thực hiện theo quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung.
 - b) Bên Ngân hàng giải ngân cho Bên vay nhiều lần theo phương thức được quy định tại mỗi Khế ước nhận nợ. Bên vay phải rút vốn vay lần đầu chậm nhất vào ngày, sau thời hạn này, Bên vay chỉ được rút vốn nếu được Bên Ngân hàng chấp thuận.
5. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.
6. Trả nợ gốc, lãi tiền vay: Bên vay phải thanh toán nợ gốc, Tiền lãi gắn kết cho Bên Ngân hàng theo đúng thời hạn quy định tại (các) Khế ước nhận nợ được ký kết giữa Các Bên và/hoặc các văn bản liên quan.
7. Lãi suất cho vay, phí: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Hợp Đồng này.
8. Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn: Các Bên thống nhất rằng Bên Ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) chấm dứt cho vay, dừng giải ngân và thu hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại của Bên vay trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:
 - a) Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Bên Ngân hàng (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ theo bất kỳ Kỳ trả nợ gốc, Kỳ trả nợ lãi nào) theo thỏa thuận giữa Bên Ngân hàng và Bên vay tại Hợp Đồng, (các) Khế ước nhận nợ, Điều Kiện Giao Dịch Chung và các văn bản thỏa thuận liên quan;
 - b) Trường hợp khoản vay bị quá hạn theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Hợp Đồng này.
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Hợp Đồng này và Điều Kiện Giao Dịch Chung.
9. Các Bên đồng ý rằng, các thỏa thuận khác liên quan tới khoản vay của Bên vay không được quy định trong Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn thỏa thuận về điều kiện giải ngân, nợ quá hạn và chậm thanh toán tiền lãi, chấm dứt cho vay thu hồi nợ trước hạn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, quyền và nghĩa vụ của Các Bên,... được thực hiện theo Điều Kiện Giao Dịch Chung, Khế ước nhận nợ, các văn bản thỏa thuận khác giữa Bên Ngân hàng và Bên vay và quy định của pháp luật.
10. Bên vay đồng ý rằng Bên Ngân hàng có quyền tự động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên vay tại Bên Ngân hàng, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại Bên Ngân hàng hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Bên vay trích tiền chuyển cho Bên Ngân hàng để thu hồi các khoản nợ gốc, lãi tiền vay, phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho Bên Ngân hàng theo Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ, (các) Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) và Điều Kiện Giao Dịch Chung hoặc bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán nào khác của Bên vay đối với Bên Ngân hàng theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa Bên Ngân hàng và Bên vay (bao gồm cả trường hợp Bên vay đề nghị trả nợ trước hạn).
11. Căn cứ quy định pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan, Các Bên cùng bàn bạc, thống nhất thỏa thuận về việc cung cấp thông tin

tín dụng cho công ty thông tin tín dụng như sau: Bên vay đồng ý cho Bên Ngân hàng cung cấp thông tin tín dụng của Bên vay tại Bên Ngân hàng cho bất kỳ công ty, tổ chức nào hoạt động trong lĩnh vực thông tin tín dụng (“Công ty thông tin tín dụng”) mà Bên Ngân hàng là tổ chức tham gia. Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này, Bên Ngân hàng đã thông báo với Bên vay thông tin về Công ty thông tin tín dụng và các vấn đề khác liên quan đến việc cung cấp, xử lý, sử dụng thông tin tín dụng của Bên vay tại Bên Ngân hàng, chi tiết được quy định chi tiết tại Điều Khoản Giao Dịch Chung.

12. Bên vay cam kết làm việc lâu dài tại Bên Ngân hàng với thời gian cam kết tối thiểu là: năm tính từ ngày Bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay đầu tiên theo Hợp Đồng này (“**Thời gian cam kết làm việc**”). Trong thời hạn cho vay theo Hợp Đồng này, nếu chức danh, ngạch, bậc công việc của Bên vay tại Bên Ngân hàng có sự điều chỉnh thì Thời gian cam kết làm việc cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng với chức danh, bậc công việc mới đó của Bên vay theo quy định của Bên Ngân hàng, cụ thể:
 - a) Trong trường hợp sự điều chỉnh dẫn tới Bên vay thuộc đối tượng phải cam kết thời hạn làm việc dài hơn so với Thời gian cam kết làm việc, Bên vay có nghĩa vụ ký bổ sung văn bản cam kết làm việc lâu dài theo quy định của Bên Ngân hàng;
 - b) Trường hợp sự điều chỉnh dẫn tới Bên vay thuộc đối tượng cam kết làm việc với thời hạn ngắn hơn, hoặc không thay đổi so với Thời gian cam kết làm việc, Bên vay thực hiện làm việc tại Bên Ngân hàng theo đúng Thời gian cam kết làm việc.
 - c) Trong trường hợp Hợp đồng lao động đã ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng hết hạn trong Thời gian cam kết làm việc, Bên vay có nghĩa vụ ký tiếp Hợp đồng lao động với Bên Ngân hàng nếu Bên Ngân hàng có yêu cầu.

13. Các thỏa thuận khác:

Điều 3. Lãi Suất Cho Vay Và Phí

1. Lãi suất cho vay (trong hạn): Lãi suất cho vay bao gồm Lãi suất gắn kết và Lãi suất bổ sung. Lãi suất gắn kết được quy định cụ thể tại (các) Khế ước nhận nợ và được điều chỉnh như sau:
 - a) Điều chỉnh định kỳ mỗi quý 01 lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý tiếp theo (“Kỳ điều chỉnh”) theo nguyên tắc Lãi suất gắn kết bằng lãi suất bán vốn VND tương ứng với thời hạn vay của Hợp Đồng này và kỳ điều chỉnh lãi suất theo quý được Bên Ngân hàng thông báo tại thời điểm điều chỉnh lãi suất trừ Biên độ lãi suất gắn kết.
 - b) Cơ chế điều chỉnh lãi suất theo kết quả Đánh giá hiệu quả làm việc: Trong thời gian vay vốn, Bên vay có thể bị điều chỉnh Biên độ lãi suất gắn kết trên cơ sở kết quả Đánh giá hiệu quả làm việc theo quy định sau:
 - i) Nếu Bên vay có kết quả Đánh giá hiệu quả làm việc đạt dưới mức “Hoàn thành” hoặc mức khác tương đương theo quy định đánh giá hiệu quả làm việc của Bên Ngân hàng trong từng thời kỳ: Biên độ lãi suất gắn kết sẽ bị giảm đi 02%/năm, cho đến khi được điều chỉnh tiếp theo quy định tại Tiết ii, iii và iv dưới đây.
 - ii) Nếu Kỳ đánh giá tiếp theo ngay sau kỳ có kết quả Đánh giá hiệu quả làm việc dưới mức “Hoàn thành” hoặc mức khác tương đương theo quy định Đánh giá hiệu quả làm việc của Bên Ngân hàng trong từng thời kỳ, Bên vay có kết quả Đánh giá hiệu quả làm việc đạt từ mức “Hoàn thành” hoặc mức khác tương đương trở lên theo quy định Đánh giá hiệu quả làm việc của Bên Ngân hàng trong từng thời kỳ thì Biên độ lãi suất gắn kết áp dụng đối với Bên vay sẽ được điều chỉnh về mức Biên độ lãi suất gắn kết như quy định tại Khoản 6 Điều 1 Hợp Đồng này.
 - iii) Nếu Bên vay có kết quả Đánh giá hiệu quả làm việc đạt dưới mức “Hoàn thành” hoặc mức khác tương đương từ 02 Kỳ đánh giá trở lên, thì Biên độ lãi suất gắn kết sẽ được điều chỉnh thành 0%/năm từ kỳ điều chỉnh lãi suất tiếp theo (theo quy định tại Tiết iv Điểm b này) cho đến khi Bên vay đạt kết quả Đánh giá hiệu quả làm việc từ “Hoàn thành” hoặc

mức khác tương đương trở lên theo quy định Đánh giá hiệu quả làm việc của Bên Ngân hàng.

- iv) Biên độ lãi suất gắn kết đối với các trường hợp tại Tiết i, ii và iii Điểm b này được áp dụng từ ngày 01/10 đối với kết quả Đánh giá hiệu quả làm việc giữa năm và từ ngày 01/4 của năm kế tiếp đối với kết quả Đánh giá hiệu quả làm việc cuối năm của Bên vay.
- c) Cơ chế điều chỉnh lãi suất trong trường hợp điều chỉnh chức danh, ngạch, bậc công việc:
- i) Trong thời hạn vay theo Hợp Đồng này, nếu chức danh, bậc công việc của Bên vay tại Bên Ngân hàng có sự điều chỉnh thì Biên độ lãi suất gắn kết áp dụng đối với Bên vay cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng với chức danh, bậc công việc mới đó của Bên vay theo quy định của Bên Ngân hàng.
 - ii) Biên độ lãi suất gắn kết đối với trường hợp nêu tại Tiết i, Điểm c này được áp dụng kể từ kỳ điều chỉnh lãi suất tiếp theo sau ngày Quyết định điều chỉnh chức danh/bậc công việc của Bên vay có hiệu lực (không bao gồm thời gian thử thách khi Bên vay điều chỉnh chức danh, bậc công việc theo quy định của Bên Ngân hàng).
2. Các Bên thống nhất rằng khi xảy ra các sự kiện điều chỉnh lãi suất như quy định tại Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ và (các) Phụ lục Hợp Đồng (nếu có), Bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng nội dung đã thỏa thuận và sẽ thông báo cho Bên vay theo quy định của pháp luật. Bên vay chấp thuận mức lãi suất mới (sau đây trong Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ và (các) Phụ lục Hợp Đồng được gọi chung là “**Mức lãi suất cho vay điều chỉnh**”) kể từ thời điểm Bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh và cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất được điều chỉnh.
 3. Phương pháp tính lãi: Phương pháp tính lãi đối với Tiền lãi gắn kết, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc, tiền lãi đối với lãi chậm trả được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi Bên vay phải trả mỗi kỳ được tính theo công thức bằng $(=) \sum (\text{Số dư thực tế nhân } (x) \text{ Số ngày duy trì số dư thực tế nhân } (x) \text{ Lãi suất tính lãi}) \text{ chia } (/) 365$, trong đó Lãi suất tính lãi là mức Lãi suất gắn kết, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc, lãi suất chậm trả áp dụng với tiền lãi chậm trả như được Các Bên thỏa thuận tại Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan. Các yếu tố dùng để tính lãi trong công thức này và các vấn đề khác liên quan đến phương pháp tính lãi thực hiện theo quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung.
 4. Lãi suất cho vay (gồm Lãi suất gắn kết và Lãi suất bổ sung) áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức Lãi suất gắn kết, 150% mức Lãi suất bổ sung trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
 5. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn (gồm cả Lãi suất gắn kết và Lãi suất bổ sung) áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
 6. Lãi suất bổ sung được xác định theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Hợp Đồng này. Tiền lãi bổ sung lũy kế sẽ được thu một lần vào cuối thời hạn cho vay, hoặc khi chấm dứt Hợp Đồng trước hạn khi xảy ra các sự kiện nêu tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 4 Hợp Đồng này. Tiền lãi bổ sung chưa thanh toán sẽ được miễn, giảm nếu Bên vay thực hiện đúng cam kết về Thời gian làm việc lâu dài tại Bên Ngân hàng.
 7. Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng các khoản phí trả nợ trước hạn được quy định tại Hợp Đồng này và (các) Khế ước nhận nợ; và các khoản phí khác theo thỏa thuận cụ thể giữa Các Bên phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Thỏa Thuận Xử Lý Trong Một Số Trường Hợp Cụ Thể

1. Xử lý khi Bên vay nghỉ việc, bị kỷ luật sa thải và các trường hợp nghỉ việc khác; Bên vay sử dụng vốn sai mục đích:

- a) Trường hợp Bên vay nghỉ việc tại Bên Ngân hàng khi chưa kết thúc Thời gian cam kết làm việc quy định tại **Khoản 12 Điều 2** Hợp Đồng này, hoặc Bên vay sử dụng vốn vay sai mục

đích, ngoài khoản tiền lãi được tính theo mức Lãi suất gắn kết, Bên vay phải thanh toán cho Bên Ngân hàng một khoản Tiền lãi bổ sung theo phương pháp tính lãi quy định tại Điểm c Khoản 1 này và Khoản vay CBNV của Bên vay theo Hợp Đồng này sẽ được xử lý như sau:

- i) Bên Ngân hàng thực hiện chấm dứt cho vay, ngừng giải ngân và thực hiện thu hồi nợ trước hạn đối với Bên vay nếu thuộc một hoặc một số trường hợp sau đây:
 - Bên vay đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động vì bất kỳ lý do nào; hoặc
 - Bên vay bị Bên Ngân hàng xử lý kỷ luật bằng hình thức sa thải; hoặc
 - Bên Ngân hàng đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động vì bất kỳ lý do nào, hoặc
 - Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích.
- ii) Bên vay được lựa chọn tất toán Khoản vay CBNV trước hạn hoặc chuyển thành Khoản vay thông thường theo quy định của Bên Ngân hàng kể từ ngày Bên vay nghỉ việc tại Bên Ngân hàng, nếu thuộc một hoặc một số trường hợp sau đây:
 - Bên vay nghỉ việc khi hết thời hạn của Hợp đồng lao động nhưng không được Bên Ngân hàng ký tiếp Hợp đồng lao động mới; hoặc
 - Bên vay nghỉ việc khi hết thời hạn của Hợp đồng lao động nhưng không ký tiếp Hợp đồng lao động với Bên Ngân hàng (mặc dù được Bên Ngân hàng đề nghị ký tiếp); hoặc
 - Các trường hợp Bên vay nghỉ việc khác theo thỏa thuận giữa Bên vay và Bên Ngân hàng (trừ trường hợp Bên vay bị kỷ luật theo quy định của Bên Ngân hàng).

Trường hợp Bên vay lựa chọn tất toán khoản vay trước hạn, Bên vay không phải chịu phí trả nợ trước hạn.

- b) Trường hợp Bên vay nghỉ việc sau khi kết thúc Thời gian cam kết làm việc, Bên vay sẽ được miễn toàn bộ khoản tiền lãi được tính theo Lãi suất bổ sung chưa thanh toán và Khoản vay CBNV của Bên vay sẽ được xử lý theo một trong hai cách sau đây, tùy thuộc vào lựa chọn của Bên vay và chấp thuận của Bên Ngân hàng:
 - i) Tiếp tục duy trì khoản vay, khi đó, khoản vay của Bên vay sẽ trở thành Khoản vay thông thường kể từ ngày tiếp theo ngày làm việc cuối cùng của Bên vay tại Bên Ngân hàng và Bên vay sẽ phải chịu mức lãi suất cho vay trong hạn bằng (=) mức lãi suất bán vốn VND tương ứng với thời hạn cho vay theo Hợp Đồng này và kỳ điều chỉnh lãi suất theo quy định của Bên Ngân hàng cộng (+) 04% (Mức Lãi suất bổ sung được điều chỉnh về 0%); hoặc
 - ii) Tất toán khoản vay trước hạn, khi đó, Bên vay không phải chịu phí trả nợ trước hạn.
- c) Phương pháp tính lãi đối với Tiền lãi bổ sung trong hạn Bên vay phải thanh toán trong trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này:
 - i) Tiền lãi bổ sung được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày, theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi bổ sung(=)} \sum \frac{\text{Số dư thực tế} \times \text{(x) Lãi suất bổ sung}}{365}$$

Số dư thực tế
(x) Lãi suất bổ sung

Trong đó:

- Thời hạn tính lãi và thời điểm xác định số dư để tính lãi: Thời hạn tính lãi (theo phương pháp tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi) được xác định từ ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đến hết ngày liền kề trước ngày làm việc cuối cùng của

Bên vay tại Bên Ngân hàng hoặc đến hết ngày liền kề trước ngày Bên vay tất toán khoản vay trước khi kết thúc Thời gian cam kết làm việc (trừ những ngày Biên độ lãi suất gắn kết được điều chỉnh bằng (=) 0% do Bên vay bị xếp loại đánh giá hiệu quả làm việc dưới mức “Hoàn thành” hoặc mức khác tương đương từ 02 Kỳ đánh giá liên tiếp trở lên). Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

- Số dư thực tế: Là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn mà Bên vay còn phải trả cho Bên Ngân hàng được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.
 - Số ngày duy trì số dư thực tế đã áp dụng mức Lãi suất gắn kết: Là số ngày áp dụng mức Lãi suất gắn kết mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.
 - Lãi suất bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Hợp Đồng này.
- ii) Trường hợp thời hạn tính từ khi Bên vay nhận giải ngân vốn vay đến khi Bên vay thanh toán khoản tiền Bên Ngân hàng đã giải ngân là dưới một ngày, Các Bên thỏa thuận rằng, thời hạn tính lãi và số ngày duy trì số dư thực tế để tính lãi được xác định là 01 (một) ngày, số dư thực tế dùng để tính lãi là số dư cuối ngày trong thời hạn tính lãi hoặc số dư tại thời điểm Bên vay trả nợ tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.
- iii) Để làm rõ, mức lãi suất năm tương ứng theo phương pháp tính lãi sử dụng:

- Thời hạn tính lãi (theo phương pháp bỏ ngày đầu, tính ngày cuối của thời hạn tính lãi) được xác định từ ngày tiếp theo ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đến hết ngày làm việc cuối cùng của Bên vay tại Bên Ngân hàng hoặc đến hết ngày Bên vay tất toán khoản vay trước Thời gian cam kết làm việc (trừ những ngày Biên độ lãi suất gắn kết được điều chỉnh bằng 0% do Bên vay bị xếp loại đánh giá hiệu quả làm việc dưới mức “Hoàn thành” hoặc mức khác tương đương từ 02 Kỳ đánh giá liên tiếp trở lên); và
- Số dư thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi

BẢNG chính mức Lãi suất bổ sung quy định tại Tiết i, Điểm c Khoản này, mức lãi suất quy định này không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Tiết i, Điểm c Khoản này.

2. Xử lý trong trường hợp Bên vay tất toán khoản vay trước hạn theo nhu cầu nhưng không nghỉ việc tại Bên Ngân hàng:

- a) Trường hợp Bên vay tất toán Khoản vay CBNV khi chưa hết Thời gian cam kết làm việc, Bên vay phải nộp toàn bộ khoản Tiền lãi bổ sung chưa thanh toán vào tài khoản thanh toán của Bên vay tại Bên Ngân hàng và khoản Tiền lãi bổ sung này sẽ được Bên Ngân hàng tạm khóa cho đến hết Thời gian cam kết làm việc của Bên vay. Nếu Bên vay vi phạm cam kết về Thời gian cam kết làm việc thì Bên Ngân hàng có quyền trích tài khoản để thu khoản Tiền lãi bổ sung mà Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng. Nếu Bên vay thực hiện đúng cam kết về Thời gian cam kết làm việc, Bên Ngân hàng sẽ miễn Tiền lãi bổ sung và chấm dứt tạm khóa khoản Tiền lãi bổ sung sau khi hết Thời gian cam kết làm việc của Bên vay.
- b) Trường hợp Bên vay tất toán khoản vay khi đã kết thúc Thời gian cam kết làm việc, Bên vay sẽ không phải chịu phí trả nợ trước hạn và được miễn toàn bộ khoản Tiền lãi bổ sung chưa thanh toán.

3. Trường hợp Bên vay nghỉ việc không lương hoặc ngừng việc do lỗi của Bên vay hoặc Bên vay tạm hoãn thực hiện Hợp đồng lao động với Bên Ngân hàng trong thời gian từ 90 ngày cộng dồn trong năm (theo năm dương lịch) trở lên thì Biên độ lãi suất gắn kết đang áp dụng sẽ được điều chỉnh về bằng (=) 0% tương ứng với số ngày nghỉ hoặc ngừng việc thực tế của Bên vay. Biên độ lãi suất gắn kết sau điều chỉnh nêu trên sẽ được áp dụng kể từ ngày đầu tiên của quý tiếp theo liền kề quý mà Bên vay thỏa điều kiện để điều chỉnh Biên độ lãi suất gắn kết theo quy định tại Khoản

này.

4. Cách thức xử lý trong trường hợp nợ quá hạn:

Ngoài việc Bên vay sẽ phải chịu lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 3 Hợp Đồng này, các quy định sau đây sẽ được áp dụng bổ sung:

- a) Nếu Bên vay quá hạn từ 10 ngày trở lên trong 01 tháng và quá hạn trong vòng 03 tháng liên tiếp thì từ tháng liền kề tiếp theo của 03 tháng quá hạn liên tiếp đó, Biên độ lãi suất gắn kết quy định tại Khoản 6 Điều 1 sẽ bị giảm đi 02% và Biên độ lãi suất gắn kết điều chỉnh này sẽ được áp dụng trong thời gian 03 tháng. Số tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả tính theo Lãi suất bổ sung được để lại theo dõi của Bên Ngân hàng sau khi kết thúc Hợp Đồng này hoặc khi chấm dứt Hợp Đồng trước hạn.
- b) Nếu Bên vay quá hạn từ 10 ngày trở lên trong 01 tháng và quá hạn trong vòng 04 tháng liên tiếp trở lên thì ngoài việc bị áp dụng chế tài quy định tại Điểm a Khoản 4 này, Khoản vay CBNV của Bên vay sẽ được xử lý như sau:
 - i) Trường hợp Khoản vay CBNV của Bên vay quá hạn trong Thời gian cam kết làm việc, Bên Ngân hàng có quyền xử lý theo một trong hai cách thức sau đây:
 - Từ tháng tiếp theo của tháng thứ 4 liên tiếp xảy ra nợ quá hạn, hàng tháng Bên vay phải trả toàn bộ tiền lãi trong hạn (bao gồm cả tiền lãi tính theo Lãi suất gắn kết và Lãi suất bổ sung) và tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 3 Hợp Đồng này; hoặc
 - Yêu cầu Bên vay tất toán khoản vay trước hạn, trong trường hợp này, Bên vay sẽ phải nộp toàn bộ khoản Tiền lãi bổ sung chưa trả vào tài khoản thanh toán của Bên vay mở tại Bên Ngân hàng, số tiền này sẽ bị Bên Ngân hàng tạm khóa và được xử lý như sau: Bên Ngân hàng sẽ miễn Tiền lãi bổ sung chưa thanh toán, chấm dứt tạm khóa số tiền nêu trên nếu Bên vay làm việc tại Bên Ngân hàng đủ Thời gian cam kết làm việc, hoặc Bên Ngân hàng tự động trích số tiền đó để thu toàn bộ Tiền lãi bổ sung chưa thanh toán nếu Bên vay nghỉ việc tại Bên Ngân hàng khi chưa kết thúc Thời gian cam kết làm việc.
 - ii) Trường hợp Khoản vay CBNV của Bên vay quá hạn sau khi kết thúc Thời gian cam kết làm việc: Từ tháng tiếp theo tháng thứ 4 liên tiếp bị quá hạn, hàng tháng Bên vay sẽ phải trả toàn bộ tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn (bao gồm tiền lãi tính theo Lãi suất gắn kết và Lãi suất bổ sung). Số tiền lãi tính theo Lãi suất bổ sung của thời gian vay trước đó vẫn được để lại theo dõi và xem xét miễn giảm sau khi kết thúc Hợp Đồng này hoặc chấm dứt Hợp Đồng trước hạn.
- c) Nếu Bên vay quá hạn trên 60 ngày liên tiếp thì xử lý như sau:
 - i) Trường hợp Bên vay quá hạn trong Thời gian cam kết làm việc, Bên Ngân hàng có quyền xử lý theo một trong các cách thức sau đây:
 - Từ ngày tiếp theo của ngày thứ 60 liên tiếp bị quá hạn, Bên vay phải trả toàn bộ tiền lãi phát sinh hàng tháng (bao gồm tiền lãi theo Lãi suất gắn kết và Lãi suất bổ sung) và tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả theo Điều 3 Hợp Đồng này. Số tiền lãi theo Lãi suất bổ sung của thời gian vay trước đó vẫn được để lại theo dõi và có thể được xem xét miễn giảm tùy theo quyết định của Bên Ngân hàng sau khi kết thúc Hợp Đồng hoặc khi chấm dứt Hợp Đồng trước hạn; hoặc
 - Yêu cầu Bên vay tất toán khoản vay trước hạn, trong trường hợp này, Bên vay sẽ phải nộp toàn bộ khoản Tiền lãi bổ sung chưa thanh toán vào tài khoản thanh toán của Bên vay mở tại Bên Ngân hàng, số tiền này sẽ bị Bên Ngân hàng tạm khóa và được xử lý như sau: Bên Ngân hàng sẽ miễn Tiền lãi bổ sung chưa thanh toán và chấm dứt tạm khóa đối với số tiền này nếu Bên vay làm việc tại Bên Ngân hàng hết Thời gian cam

kết làm việc, hoặc Bên Ngân hàng tự động trích số tiền đó để thu toàn bộ khoản Tiền lãi bổ sung chưa thanh toán của Bên vay nếu Bên vay nghỉ việc tại Bên Ngân hàng khi chưa hết Thời gian cam kết làm việc.

- ii) Trường hợp Bên vay quá hạn khi đã hết Thời gian cam kết làm việc, kể từ ngày thứ 61 quá hạn, Bên vay phải trả toàn bộ tiền lãi phát sinh hàng tháng (bao gồm tiền lãi theo Lãi suất gắn kết và Lãi suất bổ sung) và tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 3 Hợp Đồng này.
5. Để làm rõ, các trường hợp miễn/giảm Tiền lãi bổ sung nêu tại Hợp Đồng này được hiểu là chỉ áp dụng đối với Tiền lãi bổ sung chưa thanh toán. Theo đó việc miễn/giảm không áp dụng đối với khoản Tiền lãi bổ sung đã được thu cùng với Tiền lãi gắn kết.
6. Trường hợp xảy ra sự kiện chuyển Khoản vay CBNV của Bên vay thành Khoản vay thông thường, Bên vay có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hồ sơ chứng minh khả năng tài chính và các hồ sơ, tài liệu khác theo yêu cầu của Bên Ngân hàng để Bên Ngân hàng xem xét, quyết định. Nếu theo quyết định của Bên Ngân hàng, Bên vay không đủ điều kiện để duy trì khoản vay tại Bên Ngân hàng thì Bên vay có trách nhiệm trả nợ khoản vay trước hạn và thanh toán toàn bộ gốc, lãi, phí (bao gồm cả khoản phí trả nợ trước hạn theo quy định của Bên Ngân hàng), phạt (nếu có), khoản Tiền lãi bổ sung cho Bên Ngân hàng phù hợp quy định tại Hợp Đồng này.
7. Khi xảy ra sự kiện chuyển Khoản vay CBNV của Bên vay thành Khoản vay thông thường, trong khoảng thời gian nhất định được Bên Ngân hàng yêu cầu, nếu Bên vay chưa hoàn thành các thủ tục để tiếp tục duy trì các khoản vay tại Bên Ngân hàng, Bên vay có trách nhiệm thực hiện trả nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng và thanh toán phí trả nợ trước hạn theo quy định tại Hợp Đồng này và (các) Khế ước nhận nợ cho Bên Ngân hàng.
8. Trong thời gian kể từ (và bao gồm) ngày Bên vay phải trả nợ trước hạn Khoản vay CBNV hoặc phải chuyển Khoản vay CBNV thành Khoản vay thông thường, Lãi suất cho vay áp dụng đối với Khoản vay CBNV của Bên vay được điều chỉnh thành mức lãi suất cho vay áp dụng đối với khoản vay của khách hàng thông thường theo quy định của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh.

Điều 5. Biện Pháp Bảo Đảm Tiền Vay

1. Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp Đồng này, Các Bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau đây:
 - a) Thế chấp bằng
 - b) Cầm cố bằng
 - c) Bảo lãnh của
 - d) Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Bên Ngân hàng với Bên vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có).
2. Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong các tài liệu sau đây được ký kết giữa Bên Ngân hàng với Bên vay và/hoặc Các Bên liên quan: (i) Hợp đồng bảo đảm (thế chấp/cầm cố/bảo lãnh) số ký ngày...../...../.....; (ii) các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp Đồng này; và (iii) các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên.
3. Các Bên đồng ý rằng, trường hợp có sự thay đổi về tài sản bảo đảm, bao gồm việc bổ sung, rút bớt, thay thế tài sản bảo đảm, Các Bên có thể lựa chọn ký kết hoặc không ký kết Phụ lục Hợp Đồng hoặc bất kỳ văn bản thỏa thuận nào để ghi nhận các thay đổi của Hợp Đồng này.

Điều 6. Áp Dụng Điều Kiện Giao Dịch Chung

Bằng việc ký vào Hợp Đồng này, Bên vay xác nhận rằng:

1. Điều Kiện Giao Dịch Chung là một Phụ lục gắn liền, không tách rời của Hợp Đồng này và cùng với Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ, các Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) tạo thành một Thỏa thuận cho vay, có giá trị ràng buộc giữa Bên vay và Bên Ngân hàng.

2. Đã nhận, đọc, được tư vấn, giải thích đầy đủ, hiểu rõ và chấp nhận, cam kết tuân thủ các điều khoản của Điều Khoản Giao Dịch Chung được VPBank niêm yết trên website <http://www.vpbank.com.vn>, tại quầy giao dịch và trên các phương tiện khác theo quy định của VPBank từng thời kỳ. Điều kiện giao dịch chung được coi là Phụ lục không tách rời của Hợp đồng.
3. Hợp đồng này và Điều Khoản Giao Dịch Chung bảo đảm được sự bình đẳng giữa Bên vay và Bên Ngân hàng trong giao dịch này, theo đó Bên vay đồng ý chấp nhận các điều khoản và điều kiện tại Điều Khoản Giao Dịch Chung, bao gồm cả các điều khoản về miễn trách nhiệm của mỗi Bên, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bất kỳ Bên nào.
4. Bên Ngân hàng có thể sửa đổi, điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của Điều Khoản Giao Dịch Chung trên cơ sở bảo đảm việc sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay các nội dung sửa đổi, điều chỉnh này bằng một trong các phương thức phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này và Điều Khoản Giao Dịch Chung.

Điều 7. Điều Khoản Thi Hành

1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày được Bên sau cùng ký vào Hợp Đồng cho đến khi Bên vay thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng.
2. Bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Bên vay xác nhận rằng Bên vay đã được Bên Ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản vay trước khi xác lập Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin như lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định; thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí; thông tin về Hợp Đồng này và Điều Khoản Giao Dịch Chung, ...
3. Hợp Đồng này được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên vay giữ bản, Bên Ngân hàng giữ bản.
4. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp Đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng Bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.

Ngày ... tháng ... năm ...

BÊN VAY

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN BÊN NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU BIỂU

1. **Trường hợp áp dụng:** Mẫu biểu này được sử dụng cho trường hợp VPBank cho vay từng lần đối với KHCN vay vốn theo Quy định cho vay gắn kết đối với cán bộ nhân viên VPBank.
2. **Nội dung Hợp Đồng:**
 - a) Phần Các Bên trong Hợp Đồng: Đơn vị hoàn thiện các thông tin về Bên Cho Vay, Bên Vay vào các phần để trống tương ứng tại phần đầu Hợp Đồng. **Lưu ý:** Trường hợp VPBank có quy định nội bộ về việc cho phép Bên vay được ủy quyền cho người khác ký Hợp Đồng và Bên vay không tự ký Hợp Đồng thì phải yêu cầu Bên vay cung cấp Văn bản ủy quyền hợp lệ cho người khác ký Hợp Đồng.
 - b) Khoản 6, Điều 1: Đơn vị hoàn thiện thông tin liên quan theo đúng nội dung chính sách/Nghị quyết phê duyệt.
 - c) Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 2: Đơn vị hoàn thiện thông tin khoản vay theo đúng Nghị quyết phê duyệt.
 - d) Khoản 4, Điều 2: Đơn vị hoàn thiện nội dung về Thời hạn rút vốn lần đầu theo thứ tự sau đây: Nghị quyết phê duyệt, Sản phẩm, Chính sách, hướng dẫn của VPBank từng thời kỳ. Ngày được điền tại nội dung này là ngày cuối cùng của thời hạn giải ngân lần đầu được ghi nhận tại Nghị quyết phê duyệt theo *Hướng dẫn xác định hiệu lực Thời hạn giải ngân, Phát hành bảo lãnh, L/C theo các Nghị quyết/Quyết định phê duyệt tín dụng số 29/2013/HD-TGD và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)*, trừ trường hợp Sản phẩm, Chính sách, hướng dẫn của VPBank từng thời kỳ có quy định/hướng dẫn khác.
 - e) Khoản 13 Điều 2: Trường hợp Nghị quyết phê duyệt có phê duyệt các điều khoản khác cần bổ sung vào Hợp Đồng và/hoặc các trường hợp khác mà theo quy định cần bổ sung thêm các nội dung khác vào Hợp Đồng thì Đơn vị quy định các nội dung này tại Khoản 13, Điều 2 của Hợp Đồng. Trường hợp không có nội dung cần bổ sung, Đơn vị bỏ Khoản này đi trước khi ký kết với Khách hàng.
 - f) Khoản 1 Điều 3: Lãi suất sẽ được quy định trong Khế ước nhận nợ. Với nội dung liên quan đến lãi suất điều chỉnh không được quy định trong Khế ước nhận nợ thì sẽ được quy định tại Hợp Đồng, trong các Phụ lục Hợp Đồng (nếu có).
 - g) Điều 5:
 - Đơn vị ghi nhận đầy đủ thông tin về Tài sản bảo đảm cho khoản vay, Hợp đồng bảo đảm đã ký vào các nội dung để trống tương ứng trong Điều này.
 - **Lưu ý:** Trường hợp có sự thay đổi về TSBĐ bao gồm việc bổ sung, rút bớt, thay thế TSBĐ, các Đơn vị không cần phải lập Phụ lục Hợp đồng cho vay hoặc bất kỳ tài liệu nào để ghi nhận các thay đổi này, trừ trường hợp Khách hàng (Bên vay/Bên bảo đảm) yêu cầu.
 - h) Khoản 3, Điều 7: Trường hợp Hợp Đồng này được công chứng, Đơn vị lưu ý ghi nhận số lượng bản Hợp Đồng và chỉnh sửa lại nội dung này cho phù hợp theo hướng ngoài số bản giao cho Bên vay và VPBank, 01 bản sẽ được giao cho Văn phòng Công chứng.
3. **Hướng dẫn khác:**

Trước khi in Hợp Đồng để ký kết với Bên vay, phải kiểm tra lại thật kỹ nội dung của Hợp Đồng, làm theo đúng chỉ dẫn tại các foot-note (nếu có) và phần Hướng dẫn, sau đó xóa hết các foot-note (nếu có), xóa phần ký hiệu mẫu biểu và phần Hướng dẫn.